

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án, dự toán cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình: Hồ chứa nước Ia Bang Thượng, thành phố Kon Tum**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi; Thông tư số 01/2017/TT-BXD ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1354/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Xây dựng về việc Công bố Định mức dự toán xây dựng công trình phân khảo sát xây dựng; Công văn số 1776 /BXD-VP ngày 16 tháng 08 năm 2007 của Bộ Xây dựng về việc Công bố Định mức dự toán xây dựng công trình - Phần xây dựng;

Xét Tờ trình số 224/TTr-SNN ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Phương án, dự toán cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình: Hồ chứa nước Ia Bang Thượng, thành phố Kon Tum (kèm theo Phương án và Báo cáo kết quả thẩm định số 264/BCKQTĐ-SNN ngày 20 tháng 12 năm 2018),

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Phê duyệt Phương án, dự toán cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình: Hồ chứa nước Ia Bang Thượng, thành phố Kon Tum với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục đích: Cấm mốc xác định hành lang bảo vệ đập, vùng lòng hồ và kênh chính công trình: Hồ chứa nước Ia Bang Thượng, thành phố Kon Tum.

2. Vị trí cấm mốc: thuộc công trình Hồ chứa nước Ia Bang Thượng, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum.

3. Số lượng mốc chỉ giới: Tổng số là 78 mốc. Trong đó, phạm vi bảo vệ đập 06 mốc, khu vực lòng hồ 50 mốc, kênh và công trình trên kênh chính 22 mốc (Chi tiết tại phụ lục 01, 02 và 03 kèm theo).

4. Quy cách mốc 90cm x 15cm x 15cm bằng bê tông cốt thép mác 200 đúc sẵn, kích thước 15x15 cm, đế mốc bằng bê tông mác 150, mặt cắt ngang 40x40 cm, độ sâu chôn mốc 40cm và thân mốc nhô lên khỏi mặt đất tự nhiên 50 cm.

5. Khoảng cách các mốc chỉ giới:

- Đối với mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập: Mốc cấm được tính từ chân đập trở ra là 50m. Khoảng cách giữa 2 mốc liền nhau là 100m.

- Đối với mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ lòng hồ: Cao trình cấm mốc đối với vùng lòng hồ là 629,70m (bằng cao trình đỉnh đập). Tuy nhiên, tùy theo tình hình



thực tế ngoài thực địa có thể cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ lòng hồ bằng mốc tham chiếu cho phù hợp. Khoảng cách giữa 2 mốc liền nhau từ 200m đến 500m và tại các điểm chuyển hướng, khu vực lòng hồ có độ dốc lớn hoặc không có dân cư sinh sống khoảng cách giữa hai mốc liền nhau lớn hơn 1.000m.

- Đối với mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ kênh chính: Mốc cắm được tại các điểm chuyển hướng của kênh, trên đoạn thẳng của kênh khoảng cách hai mốc liền nhau từ là 300m, đoạn kênh đi qua khu dân cư tập trung khoảng cách hai mốc liền nhau từ 100m.

6. Thời gian thực hiện: 55 ngày (kể từ ngày phương án, dự toán cắm mốc được phê duyệt).

7. Giá trị dự toán chi phí cắm mốc: 144.974.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm bảy mươi bốn ngàn đồng). Trong đó: Giá trị dự toán đo đạc xác định, thiết kế vị trí và cắm cọc gỗ địa hình cấp III là 127.878.000 đồng và sản xuất, lắp đặt mốc chỉ giới là 17.096.000 đồng.

8. Nguồn vốn thực hiện: Vốn đối ứng của địa phương (thuộc chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng - Tiểu dự án Sửa chữa và Nâng cao an toàn đập WB8 tỉnh Kon Tum).

**Điều 2.** Ban Quản lý Khai thác các công trình thủy lợi tỉnh Kon Tum có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, Ủy ban nhân dân Thành phố Kon Tum thực hiện việc cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình: Hồ chứa nước Ia Bang Thượng, thành phố Kon Tum trên thực địa theo phương án được phê duyệt.

2. Bàn giao mốc giới cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hồ chứa để quản lý, bảo vệ theo quy định của pháp luật. Trường hợp hành lang bảo vệ hồ chứa, vùng lòng hồ bị lấn chiếm, sử dụng trái phép thì phải kịp thời báo cáo và phối hợp với chính quyền địa phương để xử lý theo quy định.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có những thay đổi, điều chỉnh, bổ sung so với nội dung phương án và nội dung tại Điều 1 của Quyết định này, Ban Quản lý khai thác các công trình thủy lợi tỉnh phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp có thẩm quyền và chỉ được thực hiện những thay đổi, điều chỉnh, bổ sung sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

**Điều 3.** Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum, Giám đốc Ban Quản lý khai thác các công trình thủy lợi tỉnh Kon Tum và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBND xã Hòa Bình, TP. Kon Tum;
- CVP, PVP UBND tỉnh (NN);
- Lưu: VT, NN5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hữu Tháp**

**Phụ lục 01**

**Tọa độ mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ Đập**

**công trình: Hồ chứa nước Ia Bang Thượng, thành phố Kon Tum**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

<b>Tên điểm</b>	<b>Tọa độ X (m)</b>	<b>Tọa độ Y (m)</b>	<b>Tên mốc</b>
1	1576794	548086	CTTL-1
2	1576865	548096	CTTL-2
3	1576946	548145	CTTL-3
4	1577030	548234	CTTL-4
5	1577112	548345	CTTL-5
6	1577143	548430	CTTL-6

*u*





**Phụ lục 02**

**Tọa độ mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ lòng hồ**

**công trình: Hồ chứa nước Ia Bang Thượng, thành phố Kon Tum**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

<b>Tên điểm</b>	<b>Tọa độ X (m)</b>	<b>Tọa độ Y (m)</b>	<b>Tên mốc</b>
1	1576774	548147	CTTL-7
2	1576726	548178	CTTL-8
3	1576692	548141	CTTL-9
4	1576636	548110	CTTL-10
5	1576676	548202	CTTL-11
6	1576576	548267	CTTL-12
7	1576481	548293	CTTL-13
8	1576445	548361	CTTL-14
9	1576424	548355	CTTL-15
10	1576381	548406	CTTL-16
11	1576325	548407	CTTL-17
12	1576332	548479	CTTL-18
13	1576173	548578	CTTL-19
14	1576116	548570	CTTL-20
15	1576068	548621	CTTL-21
16	1575996	548632	CTTL-22
17	1575928	548709	CTTL-23
18	1575847	548764	CTTL-24
19	1575780	548842	CTTL-25
20	1575878	548805	CTTL-26
21	1575957	548751	CTTL-27
22	1576103	548719	CTTL-28
23	1576188	548695	CTTL-29
24	1576234	548705	CTTL-30
25	1576308	548666	CTTL-31
26	1576362	548622	CTTL-32
27	1576426	548608	CTTL-33
28	1576484	548567	CTTL-34
29	1576568	548568	CTTL-35
30	1576589	548592	CTTL-36
31	1576567	548651	CTTL-37
32	1576507	548684	CTTL-38
33	1576507	548726	CTTL-39
34	1576416	548871	CTTL-40
35	1576347	548921	CTTL-41
36	1576302	549012	CTTL-42
37	1576221	549079	CTTL-43
38	1576242	549126	CTTL-44
39	1576339	549125	CTTL-45

Tên điểm	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)	Tên mốc
40	1576431	549071	CTTL-46
41	1576474	549075	CTTL-47
42	1576543	549037	CTTL-48
43	1576561	549044	CTTL-49
44	1576584	549001	CTTL-50
45	1576800	548819	CTTL-51
46	1576843	548845	CTTL-52
47	1576848	548763	CTTL-53
48	1576900	548654	CTTL-54
49	1577024	548568	CTTL-55
50	1577073	548431	CTTL-56

μ





**Phụ lục 03**

**Tọa độ mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ tuyến kênh chính và công trình trên kênh  
công trình: Hồ chứa nước Ia Bang Thượng, thành phố Kon Tum**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Tên điểm	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)	Tên mốc
1	1577151	548315	CTTL-57
2	1577155	548321	CTTL-58
3	1577354	548218	CTTL-59
4	1577355	548225	CTTL-60
5	1577469	548278	CTTL-61
6	1577464	548284	CTTL-62
7	1577532	548444	CTTL-63
8	1577529	548451	CTTL-64
9	1577603	548443	CTTL-65
10	1577606	548450	CTTL-66
11	1577654	548325	CTTL-67
12	1577659	548330	CTTL-68
13	1577799	548258	CTTL-69
14	1577801	548265	CTTL-70
15	1577981	548295	CTTL-71
16	1577980	548303	CTTL-72
17	1578093	548339	CTTL-73
18	1578090	548347	CTTL-74
19	1578175	548389	CTTL-75
20	1578171	548394	CTTL-76
21	1578245	548465	CTTL-77
22	1578239	548470	CTTL-78

KON TUM